TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST Ngày: 24-4-2026 V/v: Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1962. Số CCCD: 001062028361. Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1965. Số CCCD: 015165001166. Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Lào Cai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Văn T trình bầy: Tôi và bà Phan Thị H tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1988 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và bà Phan Thị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà bà Phan Thị H trình bầy: Tôi và ông Trần Văn T tự nguyện về

chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 1988 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Ông T đề nghị Tòa án tuyên bố ông T và tôi không phải là vợ chồng. Tôi nhất trí.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Phan Thị H.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn; bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Phan Thị H tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1988 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Ông T và bà H đều cho rằng hiện nay ông bà sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Ông T xác định không còn tình cảm với bà H nữa và đề nghị Tòa án tuyên bố ông và bà H không phải là vợ chồng. Bà H nhất trí.

Để góp phần xây dựng hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật hôn nhân gia đình quy định: "Việc đăng ký kết hôn phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện ..." và "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Thực tế trong vụ án này ông Trần Văn T và bà Phan Thị H chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Như vậy cần áp dụng những quy định trên để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Phan Thị H.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành ông T và bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Trần Văn T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Phan Thị H.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự;
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng